

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG III NĂM 1997

Ở các tỉnh thuộc Bắc Bộ mưa nhiều, ít nắng. Do mưa nhiều tập trung vào thời kỳ từ 16 đến 20 nên các sông thuộc khu vực này đã có đợt lũ vừa xảy ra.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Có ba đợt không khí lạnh yếu ảnh hưởng đến thời tiết các tỉnh thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ vào các ngày 2, 16 và 23. Đợt không khí lạnh ngày 16 đã gây mưa rào và dông trên diện rộng, nhiều nơi có mưa vừa đến mưa to.

b) Nắng nóng

Một số nơi thuộc Nam Bộ và Trung Bộ có một vài ngày nắng nóng. Nhiệt độ cao nhất đạt 36 đến 38,0°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm). Một số nơi thuộc Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có nhiệt độ trung bình tháng cao hơn giá trị TBNN từ 0,7 đến 1,1°C; còn một số nơi thuộc Nam Bộ và Tây Nguyên thấp hơn giá trị TBNN từ 0,7 đến 1,1°C.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai): 7,7°C, xảy ra ngày 4.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Đồng Phú (Bình Phước): 38,2°C, xảy ra ngày 30.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi từ Thừa Thiên - Huế trở ra có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, nhiều nơi thuộc khu vực này có lượng mưa tháng vượt xa giá trị TBNN từ 100 đến 150mm, còn các nơi khác có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Lục Yên (Yên Bái): 218mm (+156mm).

Nhiều nơi thuộc Nam Bộ và Nam Trung Bộ cả tháng không mưa.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Nam Bộ có số giờ nắng thấp hơn TBNN, còn các tỉnh ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên có số giờ nắng cao hơn.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Phú Hộ (Phụ Thọ): 6 giờ (-46 giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là thị xã Bạc Liêu (Bạc Liêu): 306 giờ (-8 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, thời tiết mưa nhiều vào nửa cuối tháng, thuận lợi cho sự phát triển của lúa và các loại hoa màu, song do ít nắng, sâu bệnh hại lúa có xu hướng phát triển. Nếu sang tháng IV, thời tiết có mưa rào, dông và nhiều nắng thì tình hình sâu bệnh sẽ giảm.

Ở các tỉnh Miền Nam, thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch lúa đông xuân.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày gần cuối tháng có đợt lũ vừa, mực nước sông Hồng tại Hà Nội đã nâng lên đáng kể.

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 27,62m (1h ngày 21), biên độ lũ lên 1m.

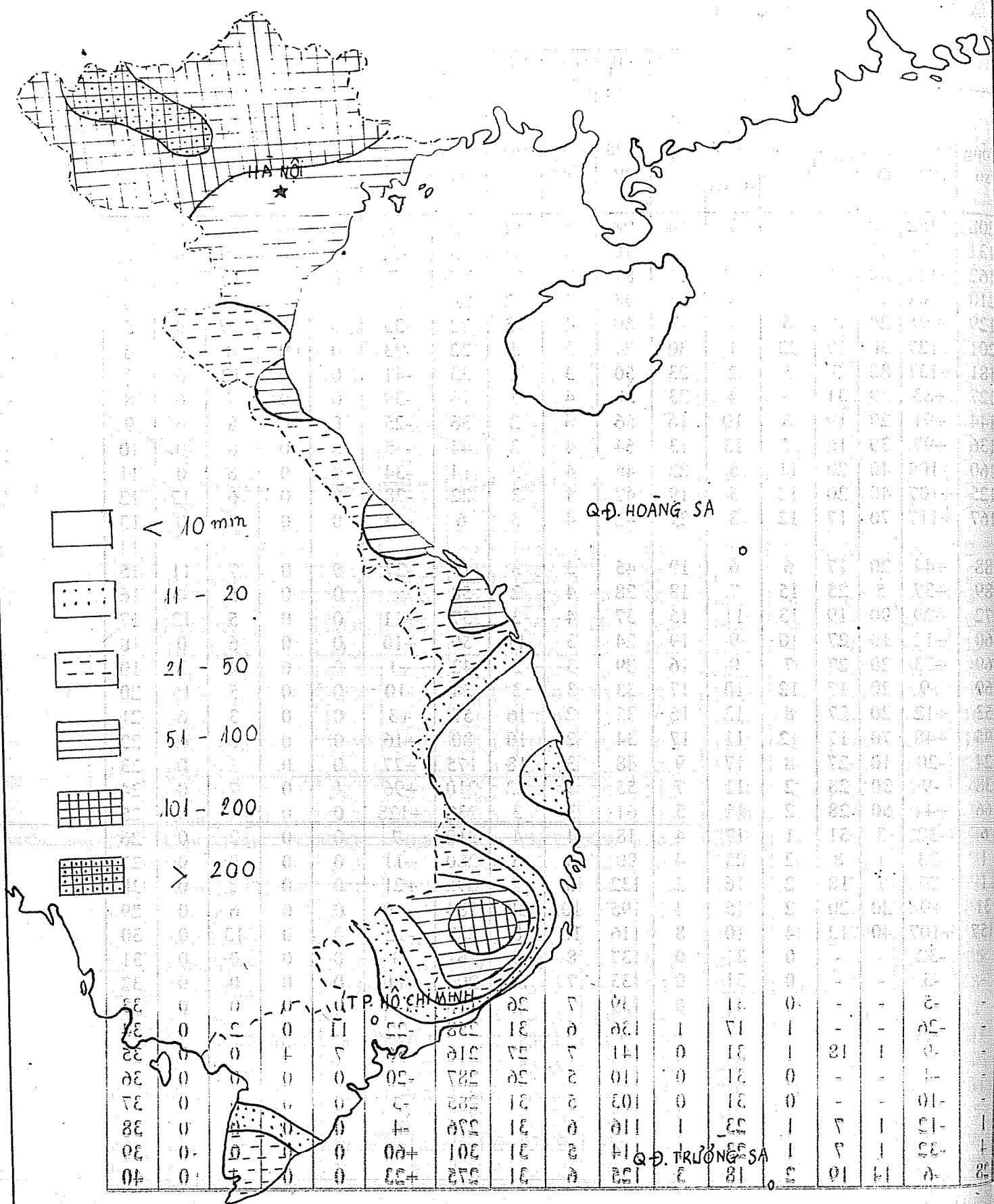
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	22,6	+0,8	30,4	35,8	14	17,8	16,3	14	78	40	2
2	Điện Biên	21,5	+0,8	29,0	32,7	22	16,9	14,6	2	84	47	21
3	Sơn La	20,9	+0,9	27,1	33,6	12	17,1	14,1	6	78	28	13
4	Sa Pa	13,7	-0,2	18,1	25,3	14	11,1	7,7	4	91	33	13
5	Lào Cai	21,3	+0,7	24,6	30,3	14	19,1	15,5	4	86	56	14
6	Yên Bái	19,9	+0,2	22,1	27,3	14	18,6	14,6	4	94	67	3
7	Hà Giang	20,8	+0,5	24,0	29,1	14	18,7	15,3	4	86	46	2
8	Tuyên Quang	20,6	+0,7	23,3	29,6	14	19,0	16,2	5	88	57	3
9	Lạng Sơn	17,9	-0,3	21,1	27,7	14	15,8	11,8	3	87	49	3
10	Cao Bằng	19,0	0,0	22,2	30,6	14	16,8	13,4	3	84	47	2
11	Thái Nguyên	20,3	+0,5	22,8	27,8	14	18,5	14,7	24	88	48	3
12	Bắc Giang	20,3	+0,4	22,9	26,1	8	18,7	15,0	24	83	48	2
13	Phủ Thọ	20,3	+0,5	22,7	28,3	14	18,7	15,5	24	92	63	3
14	Hòa Bình											
15	Hà Nội (Láng)	20,7	+0,5	23,4	27,4	14	19,1	15,4	24	87	49	2
16	Tiên Yên	19,5	+0,6	22,3	28,7	1	17,1	12,3	4	93	63	5
17	Hòn Gai	20,1	+0,9	22,2	25,7	29	18,3	15,2	4	89	61	3
18	Phù Lãng	20,0	+0,9	22,6	26,7	30	18,3	14,5	3	93	59	2
19	Thái Bình	19,9	+0,4	22,3	25,4	15	18,5	15,2	4	95	62	23
20	Nam Định	20,5	+0,7	23,2	27,4	16	18,8	15,2	4	91	65	8
21	Thanh Hóa	20,8	+1,0	23,3	27,9	16	18,7	16,3	24	93	69	1
22	Vinh	21,4	+1,1	24,1	29,9	15	19,6	16,6	5	91	66	10
23	Đồng Hới	21,8	+0,1	25,3	31,2	19	20,5	16,3	5	92	59	19
24	Huế	23,6	+0,5	29,0	35,3	22	20,4	14,8	5	88	52	22
25	Đà Nẵng	24,3	+0,2	28,7	33,5	20	21,5	17,4	5	85	59	4
26	Quảng Ngãi	24,6	+0,2	29,6	33,9	22	21,4	18,0	6	85	56	1
27	Quy Nhơn	25,8	+0,5	30,1	32,7	29	23,3	20,1	6	80	55	9
28	Plây-cu	21,9	+0,8	30,1	32,5	23	16,6	12,6	8	74	29	9
29	Buôn Ma Thuột	24,0	-0,7	31,8	34,1	14	19,2	15,1	1	72	39	9
30	Đà Lạt	17,2	-1,1	24,2	26,7	23	12,0	9,2	7	80	30	9
31	Nha Trang	25,5	-0,3	29,2	31,3	22	22,6	19,3	1	79	58	8
32	Phan Thiết	26,4	-0,1	30,2	32,2	30	23,6	20,5	9	76	59	25
33	Vũng Tàu	27,0	-0,8	29,8	31,8	27	25,3	22,2	3	75	54	8
34	Tây Ninh	27,3	-0,9	34,3	36,5	30	22,5	20,1	9	71	34	2
35	T.P. Hồ Chí Minh	28,0	+0,1	34,2	39,0	30	24,5	21,9	4	69	33	31
36	Tiền Giang	26,6	-1,0	31,7	33,9	22	23,6	20,2	5	80	42	3
37	Cần Thơ	26,8	-0,5	31,9	33,8	23	23,8	20,8	8	81	48	31
38	Sóc Trăng	26,8	-0,4	32,3	34,3	23	22,9	19,9	5	77	40	5
39	Rạch Giá	27,2	-1,0	31,6	33,9	31	23,8	22,3	25	79	51	31
40	Cà Mau	27,1	+0,3	32,6	34,2	30	23,7	21,7	5	78	49	10

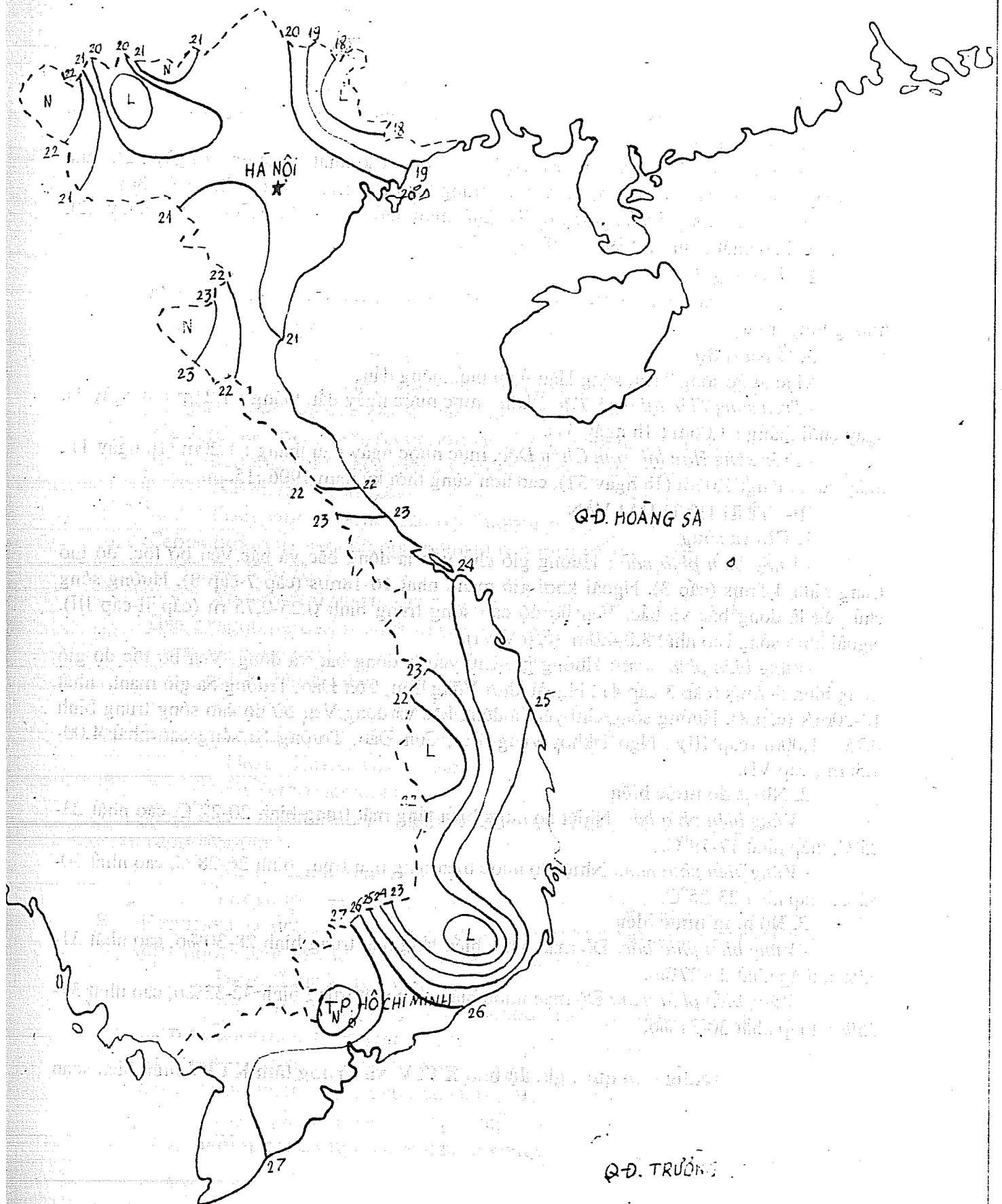
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG III NĂM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhe	Mạnh			
208	+152	70	20	5	7	14	98	5	14	178	-5	0	0	14	0	1
131	+79	40	26	5	15	9	78	4	22	220	+21	0	0	10	0	2
162	+122	50	20	5	14	11	87	7	13	163	-7	0	0	10	0	3
210	+104	42	18	6	5	21	48	7	22	134	-22	0	0	13	12	4
129	+69	20	17	6	7	19	60	4	13	72	-33	0	0	10	0	5
201	+127	30	17	23	1	30	24	2	3	22	-23	0	0	8	5	6
181	+131	80	3	5	2	23	50	3	2	33	-41	0	0	12	6	7
127	+83	30	31	6	4	23	50	4	3	16	-39	0	0	7	6	8
144	+91	20	19	6	10	16	56	6	2	36	-25	0	0	8	6	9
136	+97	30	16	7	13	13	64	4	2	44	-35	0	0	8	0	10
160	+105	40	20	11	5	22	46	4	3	14	-34	0	0	6	0	11
125	+107	40	20	12	5	19	47	4	3	22	-28	0	0	6	12	12
167	+117	70	17	12	3	21	42	4	3	6	-44	0	0	8	0	13
88	+44	20	17	6	6	19	45	3	3	19	-27	0	0	7	11	14
89	+37	5	25	15	7	18	28	4	2	58	x	0	0	5	0	15
72	+29	90	19	13	11	15	37	4	3	57	+11	0	0	5	12	16
60	+12	10	27	10	9	19	24	3	11	50	+10	0	0	6	0	17
69	+23	20	27	7	9	16	29	3	3	42	+1	0	0	4	3	18
60	+9	20	17	12	10	17	33	3	3	34	-10	0	0	5	15	19
53	+12	20	27	8	12	16	33	2	16	57	+3	0	0	3	6	20
95	+48	70	17	12	11	17	34	2	10	80	+16	0	0	6	0	21
24	-20	10	27	8	17	9	48	3	18	175	+77	0	0	3	0	22
38	-9	30	28	2	11	7	55	3	22	210	+96	1	0	7	0	23
66	+44	50	28	2	11	5	61	3	3	232	+128	0	0	4	0	24
6	-32	3	31	1	17	4	18	4	4	210	-7	0	0	2	0	25
1	-23	1	8	2	23	4	90	5	5	280	+11	0	0	0	0	26
1	-27	1	18	2	16	2	132	6	7	296	+21	0	0	2	0	27
31	+9	20	20	2	15	4	195	10	30	284	+10	0	0	6	0	28
157	+107	40	12	4	10	8	116	10	8	257	-12	0	0	13	0	29
-	-32	-	-	0	31	0	137	8	4	261	-3	0	0	0	0	30
-	-5	-	-	0	31	0	133	7	26	299	-11	0	0	0	0	31
-	-5	-	-	0	31	0	139	7	26	116	-177	0	0	0	0	32
-	-26	-	-	1	17	1	136	6	31	258	-22	11	0	2	0	33
-	-9	1	18	1	31	0	141	7	27	216	-56	7	4	0	0	34
-	-4	-	-	0	31	0	110	5	26	287	-20	0	0	0	0	35
-	-10	-	-	0	31	0	103	5	31	285	-3	0	0	0	0	36
1	-12	1	7	1	23	1	116	6	31	276	-4	0	0	0	0	37
4	-32	1	7	1	23	1	114	5	31	301	+60	0	0	0	0	38
38	-6	14	19	2	18	3	125	6	31	275	+23	0	0	4	0	39
																40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng III năm 1997



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng III năm 1997

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất trong tháng: 17,47m (1h ngày 21), biên độ lũ lên 1,43m.

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, mực nước hồ ngày đầu tháng : 107,94m (7h ngày 1), ngày cuối tháng: 102,12m (7h ngày 31).

Lưu lượng đến hồ lớn nhất: $1200\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 20), nhỏ nhất: $360\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 6), trung bình: $490\text{m}^3/\text{s}$, lớn hơn TBN 18%; lưu lượng xả lớn nhất là $1000\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 27), lưu lượng xả nhỏ nhất là $300\text{m}^3/\text{s}$ (ngày 13).

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất : 4,62m (7 ngày 22), mực nước thấp nhất : 3,0m (7 ngày 15), mực nước trung bình : 3,6m, cao hơn TBN 0,93m.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước cao nhất: 1,70m (10h ngày 22), mực nước thấp nhất tháng : 0,39m (19h ngày 2).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường, các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế xuống dần,

- Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng : 1,21m (1h ngày 1), ngày cuối tháng : 1,06m (1h ngày 31).

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng : 1,20m (1h ngày 1), ngày cuối tháng: 1,04m (1h ngày 31), cao hơn cùng thời kỳ năm 1996 : 15cm.

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-5m/s (cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất 16-18m/s (cấp 7-cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc và bắc. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25-0,75 m (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 3,0-4,0m (cấp V-VI).

- Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và đông. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3-cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 18-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc và đông. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75 - 1,00m (cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 4,00-4,50m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 20-22°C, cao nhất 23-25°C, thấp nhất 17-19°C.

- Vùng biển phía nam: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 26-28°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 23-25°C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 28-30‰, cao nhất 31-33‰, thấp nhất 25-27‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 32-33‰, cao nhất 34-35‰, thấp nhất 30-31‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn